

Số: /ĐA-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

**ĐỀ ÁN**  
**PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh xây dựng Đề án Phân loại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

**Phần I**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**  
**PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC NINH**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Khoản 2 Điều 3 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.
- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính.
- Công văn số 2705/BNV-CQDP ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của ĐVHC và thành lập ĐVHC đô thị.
- Kết quả thống kê số liệu các tiêu chuẩn về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính trực thuộc, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**II. SỰ CẦN THIẾT**

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tỉnh Bắc Ninh được hình thành trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh (cũ), tỉnh có diện tích tự nhiên là 4.713,75 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 3.989.623 người.

Sau sắp xếp, tỉnh Bắc Ninh có các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính tỉnh như: quy mô dân số, diện tích, trình độ phát triển kinh tế và các yếu tố đặc thù<sup>1</sup> thay đổi, không còn phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn. Mặt khác, tại khoản 1 Điều 15, Nghị định số 307/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “*Các đơn vị hành chính được hình thành trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 phải được phân loại theo quy định của Nghị định này trước ngày 30/6/2026*”.

Do vậy, cần phải khảo sát, đánh giá, chấm điểm lại các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính tỉnh. Việc phân loại lại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh là cần thiết, nhằm đánh giá chính xác, cụ thể quy mô, trình độ phát triển của đơn vị hành chính tỉnh, mức độ đáp ứng của tổ chức bộ máy chính quyền địa phương trên địa bàn, làm cơ sở để hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của chính quyền cho phù hợp, đồng thời xác định biên chế cán bộ, công chức và số lượng Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 300/2025/NĐ-CP của Chính phủ<sup>2</sup>.

Mặt khác, tỉnh Bắc Ninh đã đảm bảo đủ các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc trung ương; thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Bộ Nội vụ, tỉnh Bắc Ninh đang xây dựng Đề án thành lập thành phố trực thuộc trung ương, dự kiến trình Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2026.

\*

\* \*

## Phần II

# KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH BẮC NINH

### **I. Giai đoạn trước tháng 7 năm 2025 (trước khi thành lập tỉnh Bắc Ninh mới)**

Tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang có chung nguồn gốc lịch sử, là vùng đất cổ của Việt Nam đã được chứng kiến rất nhiều sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như tên gọi của mình.

Thời Hùng Vương - An Dương Vương, Bắc Ninh, Bắc Giang là đất thuộc bộ Vũ Ninh, trong nhà nước Văn Lang - Âu Lạc (một Bộ lớn, có đến 1/3 số Bộ lạc của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc thuộc Bộ Vũ Ninh).

Thời kỳ Bắc thuộc, Bắc Ninh, Bắc Giang, thuộc hai huyện lớn (Luy Lâu và Long Biên) của quận Giao Chỉ, sau đổi là Châu Giao. Trị sở của quận đóng ở Luy Lâu (nay thuộc phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), là trung tâm hành chính, trung tâm kinh tế - thương mại của Châu Giao. Đô thị Luy

<sup>1</sup> Gồm các yếu tố: dân tộc thiểu số, số lượng đơn vị hành chính cấp xã, di tích quốc gia đặc biệt hoặc di sản được UNESCO công nhận

<sup>2</sup> Quy định khung số lượng phó Chủ tịch UBND, số lượng và cơ cấu ủy viên UBND, trình tự, thủ tục đề nghị phê chuẩn kết quả HĐND bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, phó Chủ tịch UBND và giao quyền Chủ tịch UBND

Lâu là đô thị cảng mang tính quốc tế. Luy Lâu còn là Trung tâm Phật giáo, Trung tâm Nho giáo lớn và đầu tiên của nước ta.

Thời nhà Đinh, tiền Lê từ năm 979, đất Bắc Ninh, Bắc Giang là một trong 10 đạo với tên gọi là đạo Bắc Giang, rồi lộ Bắc Giang năm 1040 (lấy theo tên của sông Đuống thời đó). Sang thời nhà Lý, lộ Bắc Giang được đổi là quận Gia Lâm. Đến thời Trần, năm 1241 được lấy lại tên là lộ Bắc Giang và về sau được gọi là lộ Kinh Bắc.

Sau khi đánh thắng quân Minh, đầu thời Lê (năm 1428), Bắc Ninh, Bắc Giang thuộc Bắc Đạo, một trong năm đạo thời kỳ đó. Năm 1435, đất Bắc Ninh, Bắc Giang được chia làm 02 lộ: Lộ Bắc Giang thượng (phủ Lạng Giang) và lộ Bắc Giang hạ (phủ Bắc Giang). Năm 1466, trong nước chia làm 12 đạo thừa tuyên, đất Bắc Ninh, Bắc Giang được sáp nhập từ hai lộ Bắc Giang thượng và Bắc Giang hạ và gọi là thừa tuyên Bắc Giang. Đến năm 1469, nhà Lê hoạch định bản đồ cho cả nước, thừa tuyên Bắc Giang đã được đổi thành thừa tuyên Kinh Bắc, bao gồm 04 phủ và 20 huyện.

Năm 1490, thừa tuyên Kinh Bắc được đổi là xứ Kinh Bắc và năm 1509 lại được gọi là trấn Kinh Bắc. Tên trấn Kinh Bắc được dùng trong nước suốt từ năm 1509 cho tới hết thời Nguyễn Gia Long.

Sang thời Minh Mạng, năm 1822, trấn Kinh Bắc được đổi tên là trấn Bắc Ninh và đến năm 1831 được gọi là tỉnh Bắc Ninh với 21 huyện, diện tích khoảng 6.000 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 70 vạn người. Tháng 10 năm 1895, thực dân Pháp chia tỉnh Bắc Ninh thành hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, lấy sông Cầu làm địa giới:

- Tỉnh Bắc Giang bao gồm phủ Lạng Giang, phủ Đa Phúc và các huyện Kim Anh, Yên Dũng, Phượng Nhỡn, Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Thế và một số tổng nằm ở phía nam sông Lục Nam. Tỉnh lỵ là Phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang). Năm 1896, phủ Đa Phúc và huyện Kim Anh chuyển về tỉnh Bắc Ninh.

- Tỉnh Bắc Ninh có 03 phủ, 08 huyện: Phủ Từ Sơn, Phủ Thuận Thành, Phủ Tây Sơn. Các huyện: Gia Lâm, Văn Giang, Gia Bình, Lang Tài, Quế Dương, Võ Giàng, Tiên Du, Yên Thành; dưới cấp huyện có các Tổng (như cấp xã hiện nay).

Ngày 01/01/1963, tỉnh Bắc Giang nhập với tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc, bao gồm 2 thị xã: thị xã Bắc Giang (tỉnh lỵ) và thị xã Bắc Ninh, với 16 huyện: Gia Lương, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn, Quế Dương, Sơn Động, Tân Yên, Thuận Thành, Tiên Du, Từ Sơn, Việt Yên, Võ Giàng, Yên Dũng, Yên Phong và Yên Thế.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Hà Bắc được tách thành 02 tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang:

- Tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 822,72 km<sup>2</sup>, dân số gần 1 triệu người; có 6 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thị xã Bắc Ninh và 5 huyện Quế Võ, Yên Phong, Tiên Sơn, Thuận Thành, Gia Lương. Toàn tỉnh có 123 xã, phường, thị trấn.

- Tỉnh Bắc Giang có diện tích tự nhiên là 3.895,89 km<sup>2</sup>, dân số 1,6 triệu người, 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thị xã Bắc Giang và 9 huyện (Lục

*Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên, Sơn Động, Hiệp Hòa, Việt Yên*). Toàn tỉnh có 230 xã, phường, thị trấn. Từ năm 1997 đến nay, địa giới cấp tỉnh luôn ổn định, song có thay đổi nhiều lần về tên gọi và địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện. Đến tháng 6/2025 tỉnh Bắc Ninh có 02 thành phố, 02 thị xã, 04 huyện và 121 đơn vị hành chính cấp xã (50 phường, 05 thị trấn, 66 xã); tỉnh Bắc Giang có 01 thành phố, 02 thị xã, 07 huyện và 192 đơn vị hành chính cấp xã (35 phường, 14 thị trấn, 143 xã).

## II. Giai đoạn từ tháng 7 năm 2025 đến nay

Ngày 12/6/2025, tỉnh Bắc Ninh được thành lập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Quốc hội<sup>3</sup> trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Ninh (cũ) và tỉnh Bắc Giang với diện tích tự nhiên là 4.713,75 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 3.989.623 người. Tỉnh hiện có 99 xã, phường<sup>4</sup> (trong đó có 66 xã, 33 phường) và 2.828 thôn, tổ dân phố.

Trung tâm hành chính của tỉnh đặt tại phường Bắc Giang, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 50 km về phía Đông Bắc, có vị trí địa lý: phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Thái Nguyên; phía Tây giáp thủ đô Hà Nội; phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên; phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh. Tỉnh có hệ thống giao thông kết nối thuận tiện gồm đường bộ, đường sắt và gần các tuyến giao thông huyết mạch quốc gia. Trong quy hoạch xây dựng, Bắc Ninh thuộc vùng thủ đô, ngoài ra, tỉnh còn nằm trên 2 hành lang kinh tế: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Năm 2025, tỉnh Bắc Ninh đã chủ động, bám sát triển khai hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, đặc biệt là “Bộ tứ Nghị quyết trụ cột” của Bộ Chính trị<sup>5</sup>, Kết luận số 123-KL/TW về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và Kết luận của Tỉnh ủy<sup>6</sup> và đạt được một số kết quả nổi bật trong chỉ đạo điều hành; vượt và hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội cơ bản như sau:

1. Kinh tế tiếp tục phát triển nhanh, nhiều chỉ tiêu nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước, tăng trưởng kinh tế hai con số, nằm trong nhóm địa phương đứng đầu cả nước; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bằng 127,6% dự toán; các động lực tăng trưởng truyền thống tiếp tục phát huy hiệu quả, cùng với kinh tế số, chuyển đổi số và khoa học công nghệ ngày càng trở thành một động lực tăng trưởng quan trọng:

<sup>3</sup> về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh

<sup>4</sup> 54 xã, phường loại 1, 41 xã, phường loại 2, 4 xã loại 3

<sup>5</sup> Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Các Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 và số 192/2025/QH15 ngày 25/02/2025 của Quốc hội. Các Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025, số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025, số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ và các Nghị quyết, Kết luận khác

<sup>6</sup> về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng GRDP (*tổng sản phẩm trên địa bàn*) ước đạt 10,27% trong năm 2025, đứng thứ 5/34 tỉnh, thành phố cả nước, đứng thứ 4 vùng Đồng bằng Sông Hồng và là 1 trong 6 tỉnh, thành phố đạt mức tăng trưởng 2 con số; GRDP bình quân đầu người ước đạt 5.852 USD, gấp 1,16 lần bình quân cả nước. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 5,75 triệu đồng/tháng. Chất lượng tăng trưởng có chuyển biến tích cực, tương đối toàn diện; tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2025 ước đạt 158.680 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước và vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp 2,05%; năng suất lao động không ngừng được cải thiện, tăng 9%, vượt kế hoạch đề ra.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự dịch chuyển tích cực và đúng định hướng: ngành công nghiệp - xây dựng tiếp tục đóng vai trò chủ lực, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; ngành dịch vụ phát triển nhanh và ngày càng giữ vai trò quan trọng hơn, tương xứng với tốc độ phát triển công nghiệp và đô thị hóa (*Công nghiệp - xây dựng chiếm 71,1%; dịch vụ chiếm 19,4%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm xấp xỉ 3%*).

- Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Bắc Ninh được triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, bám sát định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy. Kết quả: tỉnh Bắc Ninh xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố về Chỉ số đổi mới sáng tạo; xếp thứ 2 cả nước trong thực hiện 16/16 tiêu chí giai đoạn 1 chuyển đổi chính quyền địa phương 2 cấp và nằm trong top đầu các địa phương đáp ứng 96 chỉ tiêu giai đoạn 02. Tiếp tục củng cố và giữ vững vị trí số 1 toàn quốc về chỉ số chỉ đạo, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử<sup>7</sup>, 97% thủ tục hành chính đủ điều kiện đã được cung cấp trực tuyến toàn trình, tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng công dân số và xã hội số. Các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành, bao gồm 82% cơ sở dữ liệu đất đai, đã được kết nối và chia sẻ hiệu quả, là yếu tố nền tảng cho chính quyền số.

2. Hệ thống hạ tầng công nghiệp phát triển nhanh với chiến lược phát triển đồng bộ, hiện đại. Khởi công nhiều công trình lớn, quan trọng, dự án trọng điểm quốc gia. Đặc biệt là hạ tầng giao thông với dự án cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các tuyến đường kết nối được tập trung triển khai, định hình không gian phát triển mới trong kỷ nguyên giàu mạnh và văn minh: toàn tỉnh có 43/52 khu công nghiệp đã được phê duyệt Quy hoạch với diện tích đất 13.141 ha<sup>8</sup>, trong đó 35 khu công nghiệp đã được phê duyệt chủ trương đầu tư với diện tích 10.495 ha<sup>9</sup>, diện tích đất công nghiệp và đất hành chính dịch vụ đã cho thuê khoảng 4.087

<sup>7</sup> Theo kết quả công bố trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tính đến ngày 13/10/2025.

<sup>8</sup> Theo các Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được TT Chính phủ phê duyệt, tỉnh có 52 KCN với tổng diện tích 15.959 ha; ngoài 43 KCN đã được phê duyệt quy hoạch thì còn 09 KCN chưa được phê duyệt Quy hoạch, trong đó: 02 KCN hiện đang tạm dừng do vướng vào hành lang thoát lũ (KCN Huyện Sơn, KCN Ngọc Lý), 07 KCN chưa lập quy hoạch (KCN Gia Bình I, KCN Lương Tài 1, KCN Lương Tài 2, KCN Lương Tài 3, KCN Gia Bình III, KCN CN công nghệ cao Đào viên, KCN Tự Lạn - Bích Động - Trung Sơn) và phân khu KCN di chuyển KCN Hanaka chưa lập quy hoạch

<sup>9</sup> năm 2025 có 11 KCN mới được chấp thuận

ha/7.425,07 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 55,04%<sup>10</sup>. Bên cạnh đó, toàn tỉnh hiện có 64/96 cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đi vào hoạt động với diện tích 2.172 ha, diện tích đã cho thuê 1.070/1.458,8 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 73,34%.

Ngoài ra, với quy mô giá trị sản xuất toàn ngành (*giá hiện hành*) ước đạt 2.407.240 tỷ đồng (*ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học đóng vai trò chủ đạo*) với sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tiếp tục tăng<sup>11</sup>, tỉnh Bắc Ninh đang dần định vị trên bản đồ bán dẫn toàn cầu, trở thành trung tâm đóng gói và thử nghiệm chip quan trọng của khu vực, tiến tới trở thành trung tâm công nghiệp bán dẫn hàng đầu tại Việt Nam<sup>12</sup>.

3. Thu hút nhiều dự án phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ có quy mô lớn; cơ chế phân luồng, rút ngắn thời gian xử lý đối với các hồ sơ thủ tục công “Luồng xanh 24 giờ và Luồng xanh 60%” được áp dụng triển khai với sự đồng thuận, nhất trí cao của cả hệ thống chính trị. Năm 2025, toàn tỉnh ước thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp được trên 18,6 tỷ USD, trong đó riêng thu hút vốn FDI đứng thứ 3 cả nước với 5,5 tỷ USD<sup>13</sup>. Lũy kế, toàn tỉnh có 3.379 dự án DDI đang hoạt động với tổng vốn đăng ký đạt 813.618 tỷ đồng, 3.386 dự án FDI đang hoạt động với tổng vốn đăng ký đạt trên 46,65 tỷ USD. Có 42 quốc gia và lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất, gia công các sản phẩm linh kiện điện tử, may mặc, logistics, kinh doanh bất động sản... (*tính chung cả năm 2025 có khoảng 6.500 doanh nghiệp được thành lập mới, đưa tổng số doanh nghiệp được thành lập lũy kế trên địa bàn lên gần 50.000 doanh nghiệp*).

4. Văn hóa, xã hội, môi trường trên địa bàn tỉnh được quan tâm; chất lượng giáo dục mũi nhọn đứng vị thế top đầu cả nước; ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh:

- Trong năm 2025, đã có 16 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 05 di sản văn hóa được công nhận, ghi danh; Chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà thuộc Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc được UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới; 04 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia<sup>14</sup>. Đến nay, tỉnh Bắc Ninh có 07 di sản văn hóa<sup>15</sup> được

<sup>10</sup> Có 17 dự án hạ tầng khu công nghiệp đã cơ bản lấp đầy (gồm các khu công nghiệp: KCN Quế Võ, KCN Quế Võ mở rộng, KCN Yên Phong, KCN Yên Phong mở rộng, KCN VSIP, KCN Tiên Sơn, KCN Tiên Sơn mở rộng, KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn giai đoạn 1, KCN Tiên Sơn (Phân khu Tân Hồng - Hoàn Sơn); KCN Đình Trám, KCN Quang Châu, KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía bắc), KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía nam), KCN Vân Trung (Fugiang), KCN Vân Trung (S&G), KCN Hoà Phú, KCN Tân Hưng)

<sup>11</sup> so với cùng kỳ: điện thoại thông minh tăng 22,5%, máy tính xách tay, notebook tăng 24,8%; đồng hồ thông minh tăng 9,7%; tai nghe có kết nối tăng 25%

<sup>12</sup> Công ty TNHH Amkor Technology với dự án đóng gói và kiểm thử bán dẫn trị giá 1,6 tỷ USD; Công ty TNHH Hana Micron Vina (Hàn Quốc) với dự án nhà máy sản xuất chất bán dẫn đã đầu tư hơn 600 triệu USD và dự kiến nâng lên 1 tỷ USD vào năm 2027...

<sup>13</sup> Trong đó, cấp mới 200 dự án đầu tư trong nước (DDI) với tổng vốn đăng ký đạt 296.046,2 tỷ đồng; điều chỉnh tăng vốn cho 165 dự án DDI với tổng vốn đăng ký bổ sung đạt 30.638,8 tỷ đồng; cấp mới 356 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký đạt 1.883,73 triệu USD; điều chỉnh tăng vốn đối với 267 dự án FDI, tổng vốn bổ sung đạt 3.585,7 triệu USD

<sup>14</sup> Hội Lim; Nghệ thuật Chèo; Soong cô của người Sán Dìu; nghề làm Bánh đa nem Thổ Hà

<sup>15</sup> Dân ca Quan họ; Ca trù; Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt; Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam; Nghi lễ và trò chơi kéo co làng Hữu Chấp; Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm; Quần thể di tích danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc

UNESCO công nhận, ghi danh, đứng thứ 2 cả nước<sup>16</sup>; 1.451 di tích được xếp hạng (có 01 di sản văn hoá thế giới<sup>17</sup>), 09 di tích, cụm di tích quốc gia đặc biệt (với 41 điểm), 295 di tích quốc gia và 1.113 di tích cấp tỉnh; 24 bảo vật quốc gia; 33 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 1.319 lễ hội hằng năm; 246 nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; đây là những tiềm năng có thể khai thác, phát triển du lịch, thương mại dịch vụ gắn với bảo tồn di tích<sup>18</sup>. Hoạt động thể thao được duy trì và phát triển: đăng cai tổ chức thành công 07 giải thể thao quốc gia, 02 giải quốc tế<sup>19</sup>; 12 giải thể thao cấp tỉnh và nhiều hoạt động thể thao khác. Thể thao thành tích cao đạt kết quả tích cực với tổng số 1.480 huy chương các loại<sup>20</sup>;

- Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định ở mức cao; chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục khẳng định vị thế tốp đầu cả nước: Đứng thứ 9 toàn quốc về điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025, 09/12 môn thi có điểm trung bình nằm trong top 10 toàn quốc; Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2024 - 2025, toàn tỉnh có 180/206 thí sinh đoạt giải<sup>21</sup>, nằm trong tốp tỉnh dẫn đầu toàn quốc về số giải Nhất và về số lượng giải và đạt kết quả cao về dự thi khu vực và quốc tế<sup>22</sup>. Cơ sở vật chất trường lớp và thiết bị dạy học, cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá và hiện đại hoá; toàn tỉnh tỷ lệ kiên cố hoá đạt 98,6%, cao hơn 14% so với trung bình cả nước và tăng 2,2% so cùng kỳ năm 2024. Ngoài ra, tỉnh thu hút các trường đại học uy tín đầu tư xây dựng, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh và cả nước, tạo động lực, dư địa phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh dự kiến hỗ trợ ngân sách tỉnh 720 tỷ đồng cho các khoản mục chi phí giải phóng mặt bằng và một phần đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để thu hút 4 trường đại học lớn về đầu tư, bao gồm: Đại học Y Hà Nội, Đại học Tài nguyên và Môi trường, Đại học Ngoại thương, và một cơ sở đào tạo thuộc Đại học Bách Khoa nhằm mục tiêu sớm đưa Bắc Ninh thành trung tâm đào tạo đại học, nghiên cứu và phát triển hàng đầu của cả nước và khu vực, nền tảng của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

5. Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được chú trọng, có bước tiến lớn, người dân được thụ hưởng thành quả của sự phát triển:

- Tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát sớm nhất cả nước (*tỉnh còn hỗ trợ 89 tỷ đồng cho 3 địa phương: Bắc Kạn, Điện Biên, Đắk Nông*), qua đó giúp người dân an cư lập nghiệp, yên tâm lao

<sup>16</sup> Đứng sau Thành phố Huế

<sup>17</sup> Gồm 02 điểm di tích là chùa Vĩnh Nghiêm, phường Tân An; chùa Bồ Đà, phường Vân Hà được UNESCO ghi danh là di sản là Di sản văn hóa thế giới

<sup>18</sup> Đón 6,3 triệu lượt khách du lịch

<sup>19</sup> Giải vô địch Cờ vua; giải vô địch Pickleball; giải Quần vợt; giải Karate; giải hạng Bóng đá hạng Nhì quốc gia đối với các trận đấu tại Bắc Ninh; giải thể thao quốc tế (Quần vợt quốc tế Davis Cup châu Á); Giải Đá cầu Quốc gia; giải Cầu lông Quốc tế; giải vô địch Vật cổ điển, Vật tự do quốc gia

<sup>20</sup> Quốc gia: 373 huy chương vàng, 388 huy chương bạc, 645 huy chương đồng; Quốc tế: 26 huy chương vàng, 25 huy chương bạc, 23 huy chương đồng

<sup>21</sup> với 17 giải Nhất, 48 giải Nhì, 69 giải Ba, 46 giải Khuyến khích

<sup>22</sup> 01 học sinh đoạt huy chương Vàng Olympic Vật lý châu Á; 01 học sinh đoạt huy chương Vàng Olympic Vật lý châu Âu; 01 học sinh được tặng Bằng khen của BTC Kỳ thi Olympic Vật lý châu Âu; có 03 học sinh trường THPT Chuyên Bắc Ninh dự thi Olympic quốc tế các môn Toán, Hóa học, Vật lý

động sản xuất và ổn định cuộc sống và thực hiện đúng tiến độ phát triển nhà ở theo Đề án “*Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030*”<sup>23</sup>. Năm 2025, tỉnh có 13 dự án đã hoàn thành, hoàn thành một phần, đáp ứng 8.124 căn và hoàn thành 15.929 căn hộ nhà ở xã hội, đạt 100% kế hoạch được giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chính sách ưu đãi đối với người có công trên địa bàn tỉnh được duy trì, thực hiện tốt, đảm bảo đúng đối tượng; chính sách hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện khi thực hiện hợp nhất được quan tâm kịp thời (*Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã) đạt 36,2 giường; Tỷ lệ người dân có thể Bảo hiểm y tế đạt 95,38%; Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 75,96%; Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025) 0,56%*). Đặc biệt, giải pháp kết nối cung cầu lao động và người lao động được chú trọng, hỗ trợ 2.400 doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu công nghiệp ổn định lực lượng lao động (*tính tạo việc làm mới cho gần 50.000 lao động, trong đó khoảng 3.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*).

- Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được cải thiện: tỉnh đầu tư 136 công trình<sup>24</sup> với tổng mức đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh là 424.070 triệu đồng trên địa bàn 27 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức 12 hội nghị tuyên truyền cho 608 đại biểu là người dân, thanh niên, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận những thông tin, định hướng về việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Hoàn thành tốt việc sắp xếp, tổ chức tinh gọn bộ máy chính quyền cấp tỉnh, hợp nhất tỉnh<sup>25</sup>; hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp đã đi vào nề nếp gắn với đẩy mạnh phân cấp phân quyền, bảo đảm theo hướng tinh, gọn, mạnh và hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả tạo động lực phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tổ chức thành công đại hội Đảng bộ các cấp, định hình rõ phương hướng, nhiệm vụ cho giai đoạn mới. Ban hành các Nghị quyết quy định 08 nhóm chính sách đặc thù áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh mới.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra của tỉnh được nâng cao, thực hiện nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm; tiếp công dân được duy trì nề nếp, linh hoạt; phòng, chống tham nhũng được tăng cường, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả

<sup>23</sup> được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/04/2023

<sup>24</sup> 121 công trình ngầm dân sinh, 15 công trình cầu dân sinh

<sup>25</sup> sau sắp xếp, toàn tỉnh còn 99 đơn vị hành chính cấp xã (*giảm 214 đơn vị so với thời điểm trước*); cấp tỉnh còn 15 sở và tương đương (*giảm 15 sở, ngành so với trước thời điểm hợp nhất*) với 113 phòng và tương đương (*giảm 123 phòng*); 11 chi cục và tương đương (*giảm 02 chi cục*); 184 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở (*trong đó có 61 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, 40 đơn vị sự nghiệp y tế, 83 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo*). Toàn tỉnh có 11 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (*giảm 01 đơn vị so với thời điểm trước*); trong đó tổ chức lại 05 đơn vị (*đổi tên và tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện, tổ chức lại các đơn vị cấp huyện thành các đơn vị trực thuộc*); giữ nguyên 06 trường cao đẳng trực thuộc

cao<sup>26</sup>. Quốc phòng, quân sự địa phương được củng cố, giữ vững, đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội<sup>27</sup> trên địa bàn tỉnh.

\*

\* \*

### Phần III

## THUYẾT MINH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC NINH THEO CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đánh giá, chấm điểm các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ, trên cơ sở số liệu thống kê chính thức, kết quả rà soát của các cơ quan chuyên môn và tình hình thực tế tại địa phương, cụ thể như sau:

### 1. Quy mô dân số

- Quy định: tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “*Tính từ 2.000.000 người trở xuống được tính 10 điểm; trên 2.000.000 người thì cứ thêm 60.000 người được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm*”.

- Hiện trạng quy mô dân số của tỉnh Bắc Ninh: Theo số liệu về quy mô dân số do Công an tỉnh cung cấp, xác nhận<sup>28</sup> (quy mô dân số được xác định theo dân số thường trú và dân số tạm trú) tính đến ngày 31/12/2025 là: 3.989.623 người; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này đạt điểm tối đa là **25 điểm**.

### 2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “*Diện tích tự nhiên từ 8.000 km<sup>2</sup> trở xuống được tính 10 điểm, trên 8.000 km<sup>2</sup> thì cứ thêm 200 km<sup>2</sup> được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm*”.

- Hiện trạng diện tích tự nhiên của tỉnh Bắc Ninh: Theo số liệu về diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu do Chính phủ công bố năm 2025, theo đó tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 4.713,75 km<sup>2</sup> ; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này đạt **10 điểm**.

<sup>26</sup> Toàn tỉnh thực hiện 114 cuộc thanh, kiểm tra và ban hành 96 kết luận thanh tra; phát hiện sai phạm với số tiền là 64.251 triệu đồng; yêu cầu thu hồi nộp ngân sách nhà nước 16.040 triệu đồng và xử lý khác 48.211 triệu đồng; tiếp 13.929 lượt công dân và giải quyết 11.711 vụ việc; tiếp nhận 17.027 đơn thư các loại với 8.606 đơn đủ điều kiện xử lý; đã giải quyết 7.788, đạt tỷ lệ 90,5% (tăng 4,4% so với năm 2024)

<sup>27</sup> mở 07 đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm: Tội phạm về trật tự xã hội và cờ bạc, mại dâm được kiềm chế, kéo giảm (phát hiện 1.478 vụ giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó điều tra, khám phá 1.312/1.478 vụ, đạt tỷ lệ 88,8%, đối với các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 99%

<sup>28</sup> tại Công văn số 128/CAT-QLHC ngày 09/01/2026

### 3. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

3.1. Tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về NSTW (hoặc không có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về NSTW, nếu có số thu NS địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối NS địa phương):

- Quy định: tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ 10% trở xuống được tính 8 điểm; trên 10% thì cứ thêm 1% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 10 điểm. Trường hợp không có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương, nếu có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 50% trở xuống được tính 3 điểm; trên 50% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 8 điểm”.

- Hiện trạng cân đối thu chi ngân sách địa phương của tỉnh Bắc Ninh: theo số liệu về số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương do Sở Tài chính cung cấp, xác nhận<sup>29</sup> đạt 99%; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 7,5 điểm**.

3.2. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế

- Quy định: tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế từ 70% trở xuống được tính 1 điểm; trên 70% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm”.

- Hiện trạng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Bắc Ninh: theo số liệu Thống kê tỉnh cung cấp, xác nhận<sup>30</sup>, tiêu chí tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Bắc Ninh đạt 92,80%; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 3 điểm**.

3.3. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

- Quy định: tại điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ mức 7% trở xuống được tính 1 điểm; trên 7% thì cứ thêm 0,5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm”.

- Hiện trạng Tốc độ tăng trưởng kinh tế: theo số liệu do Sở Tài chính cung cấp, xác nhận<sup>31</sup>, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh đạt 10,27%; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 2,5 điểm**.

3.4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: tại điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 60% trở xuống được tính 1 điểm; trên 60% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm”.

<sup>29</sup> tại Công văn số 337/STC- KTN&QLNSXP ngày 15/01/2026

<sup>30</sup> tại Công văn số 143/TKT- TKTH ngày 23/4/2026

<sup>31</sup> tại Công văn số 337/STC- KTN&QLNSXP ngày 15/01/2026

- Hiện trạng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: theo số liệu do Sở Nội vụ cung cấp, xác nhận<sup>32</sup>, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của tỉnh Bắc Ninh đạt 73,60%; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 2,0 điểm**.

### 3.5. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân

- Quy định: tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “*Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của tỉnh từ 5% trở xuống được tính 1 điểm; trên 5% thì cứ thêm 0,5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm*”.

- Hiện trạng tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của tỉnh Bắc Ninh đạt 9% (theo Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 08/12/2025<sup>33</sup>) kinh tế- xã hội năm 2025; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt tối đa 3,0 điểm**.

### 3.6. Thu nhập bình quân đầu người

- Quy định: tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “*Thu nhập bình quân đầu người từ mức bình quân chung cả nước trở xuống được tính 2 điểm; trên mức bình quân chung cả nước thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm*”.

- Hiện trạng thu nhập bình quân đầu người: theo số liệu Thống kê tỉnh cung cấp, xác nhận<sup>34</sup>, tiêu chí thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh đạt 0,31%; đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 2 điểm**.

### 3.7. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội

- Quy định: tại điểm g khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “*Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội từ mức tỷ lệ chung cả nước trở xuống được tính 2 điểm; trên mức tỷ lệ chung cả nước thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm*”.

- Hiện trạng tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội của tỉnh Bắc Ninh 75,96%; đến hết năm 2025, toàn quốc tỷ lệ tham gia BHXH đạt 45,1% lực lượng lao động trong độ tuổi (theo Trang Thông tin điện tử Bảo hiểm xã hội Việt Nam), đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 3 điểm**<sup>35</sup>.

### 3.8. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều

- Quy định: tại điểm h khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “*Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ mức bình quân chung cả nước trở lên được tính 2 điểm; dưới mức bình quân chung cả nước thì cứ giảm 0,5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm*”.

- Hiện trạng tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều: theo số liệu Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp, xác nhận<sup>36</sup>, tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Bắc Ninh đạt 0,56%, đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 2,25 điểm**.

<sup>32</sup> tại Công văn số 1637/SNV-VL ngày 16/4/2026

<sup>33</sup> Báo cáo tình hình KT-XH năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2026

<sup>34</sup> tại Công văn số 13/TKT-TKTH ngày 9/01/2026

<sup>35</sup> tại Công văn số 1637/SNV-VL ngày 16/4/2026 do Sở Nội vụ chấm

<sup>36</sup> tại Công văn số 3195/SNNMT-PTNT ngày 23/4/2026

### 3.9. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn

- Quy định: tại điểm i khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn trên địa bàn tỉnh từ mức bình quân chung cả nước trở lên được tính 2 điểm; trên mức bình quân chung cả nước thì cứ thêm 1% được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm”.

- Hiện trạng tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn: theo số liệu Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp, xác nhận<sup>37</sup>, tiêu chí tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn của tỉnh Bắc Ninh đạt 78,82 %, đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 3 điểm**.

### 3.10. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước

- Quy định: tại điểm k khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước cấp tỉnh của năm liền kề năm báo cáo thuộc danh sách 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cao nhất cả nước do Bộ Nội vụ công bố được tính 3 điểm; thuộc danh sách 10 tỉnh, thành phố tiếp theo được tính 2 điểm; các tỉnh còn lại được tính 1 điểm”.

- Hiện trạng chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước cấp tỉnh năm 2025, tỉnh Bắc Ninh **đạt 1 điểm**.

### 3.11. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình

- Quy định: tại điểm l khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình từ mức bình quân chung cả nước trở xuống được tính 2 điểm; trên mức bình quân chung cả nước thì cứ thêm 2% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 3 điểm”.

- Hiện trạng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Bắc Ninh là 93,01% **đạt 3 điểm**<sup>38</sup>.

## 4. Yếu tố đặc thù:

### 4.1. Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận

- Quy định: tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận, ghi danh được tính 1 điểm”.

- Hiện trạng tỉnh Bắc Ninh có 07 di sản văn hóa<sup>39</sup> được UNESCO công nhận, ghi danh, đứng thứ 2 cả nước<sup>40</sup> (theo Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 08/12/2025<sup>41</sup>), đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 1 điểm**.

<sup>37</sup> tại Công văn số 3195/SNNMT-PTNT ngày 23/4/2026

<sup>38</sup> tại Công văn số 67/TTPVHCC-KSTTHC ngày 23/4/2026

<sup>39</sup> Dân ca Quan họ; Ca trù; Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt; Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam; Nghi lễ và trò chơi kéo co làng Hữu Chấp; Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm; Quần thể di tích danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc

<sup>40</sup> Đứng sau Thành phố Huế

<sup>41</sup> Báo cáo tình hình KT-XH năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2026

#### 4.2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã

- Quy định: tại điểm d khoản 4 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “có từ 80 đơn vị hành chính cấp xã trở xuống được tính 2 điểm; trên 80 đơn vị hành chính cấp xã thì cứ thêm 05 đơn vị hành chính được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 5 điểm”.

- Hiện trạng tỉnh Bắc Ninh có 99 đơn vị hành chính cấp xã<sup>42</sup>, đối chiếu theo quy định, tiêu chí này **đạt 2,75 điểm**.

#### 5. Điểm ưu tiên trong phân loại hành chính

Căn cứ tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP: “Đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm du lịch có thương hiệu quốc tế được cộng 10 điểm”, đối chiếu quy định, tỉnh Bắc Ninh **đạt 10 điểm**, lý do:

Bắc Ninh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, phen dậu, lá chắn bảo vệ an ninh quốc phòng cho thủ đô Hà Nội và cả nước, là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia (cấp vùng) về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước:

(1) Sân bay Gia Bình đang được triển khai thực hiện với diện tích 1.960 ha. Cảng hàng không Gia Bình có tính chất dùng chung giữa hàng không dân dụng và Công an đảm bảo phục vụ tốt cho mục đích quốc phòng an ninh khu vực và cả nước và đặc biệt thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước chuẩn bị hạ tầng hàng không để tổ chức Hội nghị cấp cao APEC 2027. Cảng hàng không Quốc tế Gia Bình không chỉ là một cảng hàng không mà còn là kiến tạo một trung tâm chiến lược đa chức năng, hỗ trợ an ninh quốc phòng, giảm tải cho sân bay Nội Bài, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế vùng Bắc Bộ thông qua vận tải hàng không và các dịch vụ liên quan, đồng bộ với quy hoạch tổng thể của tỉnh Bắc Ninh.

Cảng hàng không Quốc tế Gia Bình là dự án chiến lược về hạ tầng, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Bắc Ninh, thể hiện qua việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, lan tỏa lợi ích sang các ngành dịch vụ, logistics, thương mại, vận tải, du lịch, và hỗ trợ thành công cho các dự án hạ tầng, đô thị trọng điểm của khu vực kinh tế Bắc Bộ, đáp ứng nhu cầu bùng nổ về du lịch và giao thương của khu vực, thúc đẩy hàng loạt ngành nghề liên quan: dịch vụ, logistics, thương mại, vận tải,... đều được hưởng lợi khi luồng hành khách và hàng hóa gia tăng. Song song đó, dự án còn có tác động lan tỏa tích cực đến các dự án hạ tầng, đô thị trong khu vực, kích thích thêm nhiều dự án hạ tầng đô thị được triển khai đồng bộ. Nhờ vị trí và tiềm năng vượt trội, tỉnh Bắc Ninh đã thu hút rất nhiều dự án đầu tư chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp, đô thị.

<sup>42</sup> Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025

Nhiều tập đoàn lớn như Vingroup, Sungroup... đã và đang phát triển các khu du lịch, thương mại, logistic, thu hút hàng triệu lượt khách và hàng hóa mỗi năm.

(2) Trung tâm Logistics Quốc tế Bắc Giang.

(3) Trường bắn Quốc gia Khu vực 1 (TB1), cơ sở huấn luyện bắn đạn thật quy mô lớn, được thành lập từ năm 1980. Đây là địa điểm quan trọng phục vụ diễn tập chiến thuật của Quân khu 1 và Quân chủng Phòng không - Không quân, bao gồm các hoạt động như diễn tập phòng không - tên lửa, pháo phòng không.

(4) Sân bay Kép: là sân bay quân sự (*chiến lược Quốc phòng An ninh*); Ga Kép (*hoạt động liên vận quốc tế, nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh*, là điểm kết nối quan trọng góp phần tăng cường vận chuyển hàng hóa (*hàng điện tử, quặng, vật liệu...*) giữa Việt Nam và các đối tác quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc và liên minh Á-Âu...; Ga đường sắt trên cao ở xã Văn Môn; dự án cảng cạn ở xã Trung Khê; cảng thủy nội địa Đại Lai.

(5) Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội luôn tốp đầu của cả nước, năm 2025 đạt tỷ lệ 10,27%, GRDP tốp đầu của cả nước, quy mô nền kinh tế đứng thứ 5 của cả nước, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt 92,80%.

(6) UNESCO công nhận quần thể Di tích và Danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới, điểm đến du lịch hấp dẫn của du khách trong nước và Quốc tế.

## **6. Tổng điểm, kết quả phân loại đơn vị hành chính**

- Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, tổng số điểm phân loại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh đạt **81 điểm**.

- Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, tỉnh Bắc Ninh được phân loại là đơn vị hành chính loại I.

\*

\* \*

## **Phần IV**

### **KẾ HOẠCH NÂNG CAO CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BẮC NINH CÁC GIAI ĐOẠN TIẾP THEO**

Căn cứ kết quả phân loại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh đạt **81 điểm, được xếp loại I** theo quy định của Nghị định số 307/2025/NĐ-CP của Chính phủ; trên cơ sở đánh giá các tiêu chí còn đạt điểm thấp và yêu cầu nâng cao chất lượng quản lý, phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh xác định giai đoạn 2026 - 2030 là giai đoạn trọng tâm để triển khai các giải pháp nâng cao tiêu chí phân loại đơn vị hành chính, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện và bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh;

không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân; tự tin cùng cả nước tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc; đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương năm 2026 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc;

Việc xây dựng kế hoạch tập trung vào những nhóm tiêu chí chưa đạt hoặc đạt thấp, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, gắn với các chương trình, kế hoạch phát triển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở từng bước nâng cao điểm số phân loại đơn vị hành chính trong các giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, kế hoạch nâng cao các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh được triển khai theo các nhóm giải pháp chủ yếu sau:

## **1. Đẩy mạnh, phát triển toàn diện các tiêu chí về điều kiện phát triển kinh tế**

### ***1.1. Tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030:***

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 11-12%/năm. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 35-40%. Hiệu ứng sử dụng vốn đầu tư (ICOR) đạt 3,0-3,5. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 45%;

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 375.700 tỷ đồng; chi ngân sách địa phương đạt 279.000 tỷ đồng. Tỷ lệ đô thị đạt 65%.

- Nâng cao hiệu quả điều hành ngân sách nhà nước chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; tạo nguồn tăng thu NSNN ổn định, vững chắc. Chủ động rà soát các quy định, cơ chế, chính sách điều hành ngân sách nhà nước phù hợp với tình hình mới;

- Tăng cường quản lý, phát triển hệ thống tổ chức tín dụng an toàn, vững mạnh, minh bạch, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, quản trị thông minh để nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng của nền kinh tế và phục vụ chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ mua nhà ở xã hội, giải quyết việc làm, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Hỗ trợ thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, xuất khẩu và kích thích tiêu dùng để mở rộng, nuôi dưỡng các nguồn thu bền vững.

### ***1.2. Tiếp tục nâng cao tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế***

- Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng trên tư duy và tầm nhìn đối với không gian phát triển mới. Tập trung xây dựng, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, kiên quyết tháo gỡ điểm nghẽn, xây dựng cơ chế, chính sách khơi thông nguồn lực theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; phân đầu ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 12,1 - 13,3%/năm và ngành dịch vụ bình quân tăng 8,5 - 9,2%/năm.

- Tập trung phát triển công nghiệp có lợi thế, ưu tiên phát triển công nghiệp

sạch, bền vững, công nghiệp nền tảng, công nghiệp chiến lược, công nghiệp mới nổi tập trung vào việc làm chủ công nghệ lõi, chế tạo sản phẩm công nghệ cao, nâng cao năng lực cạnh tranh, trọng tâm là 06 sản phẩm chiến lược như AI, Robot, mạng 5G, blockchain, thiết bị bay không người lái, phát triển các cụm, khu công nghiệp và trung tâm đổi mới sáng tạo đưa Bắc Ninh trở thành một trung tâm sản xuất bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ trí tuệ nhân tạo của miền Bắc.

- Phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy chuỗi liên kết, sản xuất, phát triển công nghiệp nội địa. đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong công nghiệp hướng tới phát triển bền vững.

- Đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp kết nối thuận lợi với các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, cửa khẩu phía Bắc và khu vực Tây Bắc gắn với cảng thủy nội địa, ga đường sắt và các tuyến đường tốc độ cao.

- Nghiên cứu phát triển một số mô hình khu, cụm công nghiệp đặc thù; thu hút theo hướng có chọn lọc nhà đầu tư lớn, cam kết lâu dài, công nghệ hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng điện lực, đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất.

- Khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại các khu, vùng ven đô gắn với thị trường tiêu dùng đô thị và xuất khẩu. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sâu trong nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển chuỗi giá trị bền vững.

- Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; phấn đấu đến năm 2030 có 85.000 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, 15 tập đoàn tư nhân nằm trong 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam; tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 13-14%/năm, đóng góp khoảng 55-58% GRDP của tỉnh; đóng góp 35-40% tổng thu ngân sách của tỉnh, giải quyết việc làm khoảng 84-85% tổng số lao động, năng suất lao động tăng bình quân khoảng 10-12%/năm; vốn đầu tư khu vực kinh tế tư nhân chiếm khoảng 38-40% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Phát triển đa dạng các loại hình thương mại - dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, đồng bộ và bền vững; hiện đại hóa hệ sinh thái các ngành dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh và chất lượng cao; tăng cường thu hút nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ vận tải đa phương thức; hệ thống giao thông công cộng thông minh, giao thông xanh; xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm du lịch, trở thành điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái đặc sắc của miền Bắc (khu vực Dịch vụ bình quân tăng 8,5-9,2%/năm). Phát triển đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm logistics lớn, đạt tiêu chuẩn quốc tế, hình thành khu thương mại tự do phi thuế quan thế hệ mới, là đầu mối vận chuyển hàng không, cửa ngõ, trung tâm tiếp vận, cung ứng, trung chuyên quốc tế, vận tải, kho bãi, vui chơi, giải trí... của khu vực.

**1.3. Tăng thu nhập bình quân đầu người:** Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 7,84 triệu đồng/tháng.

## 2. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa thực hiện chính sách an sinh xã hội:

\* *Lĩnh vực văn hóa*: Triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển “*công nghiệp văn hóa*” gắn với chiến lược ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh của tỉnh, đặc biệt là về dân ca Quan họ, làng nghề truyền thống, lễ hội dân gian, tài nguyên văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc. Xây dựng các Đề án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; chuyển hóa di sản thành động lực kinh tế bền vững, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng nhân lực và lan tỏa cốt cách con người vùng Kinh Bắc.

\* *Lĩnh vực Giáo dục*: Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, mũi nhọn các cấp; phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và cơ cấu, đồng đều chất lượng giữa các vùng, khu vực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục; rà soát ban hành chính sách ưu đãi, ưu tiên, khuyến khích, thu hút, phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học đẳng cấp quốc tế... đến năm 2030 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt trên 55%; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,8.

\* *Lĩnh vực Y tế*: Nâng cao năng lực, hiện đại hóa hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh y học cổ truyền, tăng cường giám sát dịch tễ, không chế kịp thời, hiệu quả dịch bệnh; nâng cao chất lượng toàn diện quốc gia về dân số, thích ứng với già hóa dân số, xây dựng lộ trình phát triển một số cơ sở khám chữa bệnh cấp tỉnh thành bệnh viện cấp chuyên sâu được giao chức năng vùng; nâng cấp cơ sở y tế theo hướng chuyên sâu, hiện đại, nâng cao tỷ lệ giường bệnh, bác sĩ, phấn đấu đến năm 2030: Tuổi thọ trung bình đạt khoảng 75,5 tuổi; trong đó thời gian sống khỏe mạnh là 68 năm; số giường bệnh bình quân 10.000 dân đạt 40 giường; số bác sĩ bình quân 10.000 dân đạt 19 người. Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hàng năm đạt 100%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt toàn dân.

\* *Lĩnh vực Lao động*: Hiện đại hóa chất lượng công tác dự báo cung- cầu, quản lý lao động, tạo việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân, đến năm 2030: tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 90%<sup>43</sup>; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 10%/năm.

\* *An sinh xã hội*:

- Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với khu vực đặc biệt khó khăn, nâng cao hệ thống trợ giúp xã hội, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo<sup>44</sup> duy trì mức giảm 1-1,5 điểm%/năm, đến năm 2027 trên địa bàn toàn tỉnh

<sup>43</sup> Trong đó: tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 42%, lao động có kỹ năng CNTT đạt 90%

<sup>44</sup> Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026- 2030

không còn hộ nghèo<sup>45</sup>.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù của tỉnh để đầu tư, hỗ trợ, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân đang cư trú, phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở...

- Nâng cao chất lượng cân bằng sinh thái, đảm bảo cuộc sống an toàn và bền vững cho con người về môi trường; phấn đấu năm 2030, tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 96,4%<sup>46</sup>, tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 98,5%; 100% khu công nghiệp trước khi hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt trên 98%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 30,65%....

### **3. Phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện mục tiêu đưa tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030**

- Rà soát điều chỉnh đồng bộ, bài bản quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ; hình thành các cực, trung tâm kinh tế trọng điểm, tạo động lực tăng trưởng mới, tăng cường kết nối nội tỉnh và kết nối giữa tỉnh Bắc Ninh với Vùng thủ đô Hà Nội với các tỉnh lân cận.

- Thành lập và phát triển các khu thương mại tự do phi thuế quan thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, khu logistics hàng không, khu kinh tế chuyên biệt, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, các công trình thương mại- dịch vụ, giải trí và các không gian chuyên đề liên quan trong quá trình điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và lập Quy hoạch chung đô thị của tỉnh.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển; xây dựng cơ chế chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới như “lãnh đạo công- quản trị tư”, “đầu tư công- quản lý tư”, “đầu tư tư- sử dụng công”, ...

- Rà soát, xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, tập trung đầu tư các công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực then chốt như giao thông, đô thị, công nghiệp, khoa học công nghệ, giáo dục, y tế... theo định hướng của tỉnh, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2026.

- Tập trung đầu tư, phối hợp đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng các công

<sup>45</sup> Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025

<sup>46</sup> Trong đó đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 93,8%

trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn như: Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, đường vành đai 4, vành đai 5, đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với thủ đô Hà Nội, với trung tâm chính trị tỉnh, đường sắt Lào Cai - Hà Nội- Hải Phòng, đường sắt tốc độ cao Hà Nội- Quảng Ninh... hình thành các hạ tầng giao thông khung đô thị để kết nối và hình thành các vùng động lực thúc đẩy kinh tế-xã hội các vùng, địa bàn.

- Tăng cường thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân vào phát triển các công trình, dự án giao thông, đô thị trọng điểm, quy mô lớn, các công trình có tính “biểu tượng”, góp phần định vị hình ảnh của “thành phố Bắc Ninh” trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng, hoàn thiện, phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, đô thị xanh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Thí điểm để đánh giá, làm cơ sở mở rộng, phát triển mạnh mẽ mô hình kinh tế không gian tầm thấp tại Bắc Ninh.

- Rà soát nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp đột phá thúc đẩy phát triển đô thị và kinh tế đô thị; thị trường bất động sản. Đẩy mạnh việc xây dựng nhà ở xã hội, hoàn thành 120.000 căn hộ nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số và đẩy mạnh cải cách hành chính**

- Triển khai hiệu quả văn bản, chương trình hành động của Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xây dựng sửa đổi, bổ sung quy hoạch, chiến lược, đề án, kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh đồng bộ với Quy hoạch của tỉnh. Định vị Bắc Ninh là thành phố mới, năng động, sáng tạo, ưu tiên đột phá về phát triển khoa học và công nghệ; là trung tâm việc làm công nghệ số, phát triển đô thị công nghiệp đại học gắn với các trung tâm ứng dụng và triển khai.

- Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; tăng chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình<sup>47</sup>, đơn giản hóa quy trình, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao

<sup>47</sup> 100% hồ sơ TTHC phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; 100% TTHC, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 90% trở lên. 100% TTHC của địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến. Rà soát, tái cấu trúc quy trình, tối ưu hoá quy trình giải quyết, tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt 100%. 100% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh diện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%.

trách nhiệm người đứng đầu; minh bạch hóa thủ tục hành chính và tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cải cách hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Thúc đẩy xây dựng chính quyền số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác, sử dụng có hiệu quả dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tinh gọn tổ chức bộ máy<sup>48</sup>, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với đổi mới phương thức đánh giá theo kết quả, sản phẩm công việc, đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới<sup>49</sup>.

### **5. Tăng tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội**

- Tập trung tuyên truyền, đổi mới phương thức truyền thông, ứng dụng công nghệ số và nâng cao vai trò của chính quyền các cấp trong việc vận động người dân tham gia, đặc biệt là nhóm lao động phi chính thức, nông dân, tiểu thương. Tỉnh Bắc Ninh đặt mục tiêu phát triển hệ thống an sinh xã hội giai đoạn 2026-2030 với tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 56,47% vào năm 2026 và trên 62,35% vào năm 2030. Trong đó, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 bao gồm 6,95% lực lượng lao động tham gia BHXH tự nguyện.

- Xây dựng và triển khai các giải pháp, nhiệm vụ linh hoạt, phù hợp với tiềm năng phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, bảo đảm phát triển bền vững, từng bước nâng cao tỷ lệ người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

### **6. Đảm bảo quốc phòng quân sự địa phương, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội và đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế**

- Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng tỉnh Bắc Ninh an ninh, an toàn, thân thiện và hội nhập; phát huy vai trò đối ngoại đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp kéo giảm tội phạm; xây dựng xã, phường không ma túy trên địa bàn tỉnh<sup>50</sup>; huy động hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, toàn diện, xuyên suốt, chặt chẽ và xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh, rộng khắp, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; xây dựng lực lượng công an tinh trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, hình thức ngoại giao mới về khoa học, công nghệ, văn hóa, công thương, huy động tối đa các nguồn lực phục vụ sự phát triển

<sup>48</sup> Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở (chủ yếu ở lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác) bảo đảm đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017; Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của CP.

<sup>49</sup> Phần đầu từ 2025- 2030: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ theo quy định, được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

<sup>50</sup> đến năm 2030: có ít nhất 50% xã, phường không có ma túy

kinh tế- xã hội; tăng cường hợp tác, thúc đẩy phát triển với các tỉnh giáp ranh, thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với một số địa phương của các nước trong khu vực, thế giới.

\*

\* \*

**Phần V**  
**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính, UBND tỉnh Bắc Ninh kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh là tỉnh loại I.

UBND tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- TT TU, TT. HĐND;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP UBND: LĐVP, TH;
- Sở Nội vụ (5 bản);
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**